

CHÍNH PHỦ
Số: 28/2009/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2009

NGHỊ ĐỊNH

Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Báo chí ngày 28 tháng 12 năm 1989, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12 tháng 6 năm 1999;

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 14 tháng 12 năm 2004, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất bản ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông ngày 25 tháng 5 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương 1.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Nghị định này quy định hành vi vi phạm, hình thức, mức xử phạt và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin điện tử trên Internet.
- Vi phạm hành chính trong hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet (sau đây gọi tắt là vi phạm hành chính về Internet) là hành vi cố ý hoặc vô ý của cá nhân, cơ quan, tổ chức (sau đây gọi chung là cá nhân, tổ chức) vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước trong hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính.
- Các hành vi vi phạm hành chính trong việc cung cấp hoặc sử dụng các dịch vụ ứng dụng chuyên ngành trên Internet được áp dụng theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam có hành vi vi phạm hành chính về Internet thì bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này.

Tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính về Internet trong phạm vi lãnh thổ, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bị xử phạt hành chính như tổ chức, cá nhân Việt Nam.

2. Người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính về Internet bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 và Điều 7 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

Điều 3. Nguyên tắc xử phạt

Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về Internet được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, Điều 3 và Điều 4 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

Điều 4. Thời hiệu xử phạt

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về Internet là một năm, kể từ ngày vi phạm hành chính được thực hiện.

Đối với hành vi vi phạm quy định về giá cước, phí, lệ phí thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là hai năm, kể từ ngày vi phạm hành chính được thực hiện.

2. Đối với cá nhân bị khởi tố, truy tố hoặc có quyết định đưa vụ án vi phạm về Internet ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính thì bị xử phạt vi phạm hành chính; trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, người đã ra quyết định phải gửi quyết định cho người có thẩm quyền xử phạt; trong trường hợp này, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là ba tháng, kể từ ngày người có thẩm quyền xử phạt nhận được quyết định đình chỉ và hồ sơ vụ vi phạm.

3. Quá thời hạn nêu tại các khoản 1 và 2 Điều này thì không xử phạt nhưng vẫn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

4. Trong thời hạn được quy định tại khoản 1 và 2 Điều này nếu tổ chức, cá nhân thực hiện vi phạm hành chính mới trong cùng lĩnh vực trước đây đã vi phạm hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính kể từ thời điểm thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

Điều 5. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính về Internet và các biện pháp khắc phục hậu quả.

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính, tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng có thời hạn hoặc không thời hạn các loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

3. Ngoài các hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;

b) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện liên quan tới vi phạm hành chính về Internet;

c) Buộc tiêu hủy vật phẩm hoặc xóa bỏ nội dung thông tin điện tử trên Internet có nội dung độc hại, gây hại cho tinh thần, sức khỏe con người, ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục;

d) Buộc thu hồi hoặc buộc hoàn trả kinh phí thu sai hoặc thu hồi tang vật, phương tiện đã bị tẩu tán;

đ) Buộc thu hồi tên miền, địa chỉ Internet, số hiệu mạng.

4. Người nước ngoài vi phạm hành chính còn có thể bị xử phạt trục xuất. Trục xuất được áp dụng là hình thức xử phạt chính hoặc xử phạt bổ sung trong từng trường hợp cụ thể.

Chương 2.

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT

Điều 6. Vi phạm các quy định về giấy phép

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không làm thủ tục xin cấp lại khi một trong các giấy phép sau bị mất hoặc bị hư hỏng:

a) Giấy phép cung cấp dịch vụ Internet;

b) Giấy phép thiết lập mạng Internet dùng riêng;

c) Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp;

d) Giấy phép xuất bản báo điện tử.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng quá hạn đến 30 ngày đối với một trong các giấy phép được nêu tại khoản 1 Điều này.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sửa chữa, tẩy xóa làm thay đổi nội dung giấy phép hoặc kê khai thông tin không trung thực để được cấp một trong các giấy phép được nêu tại khoản 1 Điều này.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp không có giấy phép hoặc sử dụng quá hạn giấy phép trên 30 ngày.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không có giấy phép hoặc sử dụng quá hạn giấy phép trên 30 ngày đối với mạng Internet dùng riêng phải cấp phép.

6. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thiết lập hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ Internet cho công cộng không có giấy phép hoặc sử dụng quá hạn giấy phép cung cấp dịch vụ Internet trên 30 ngày;

b) Xuất bản báo điện tử không có giấy phép hoặc sử dụng quá hạn giấy phép trên 30 ngày.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép không thời hạn đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính quy định tại khoản 4, 5 và 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thu hồi tên miền đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4, điểm b khoản 6 Điều này.

Điều 7. Vi phạm các quy định về thiết lập mạng Internet dùng riêng

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện đúng các quy định trong giấy phép thiết lập mạng đối với mạng Internet dùng riêng phải cấp phép;

b) Cung cấp dịch vụ Internet cho các tổ chức, cá nhân không phải là thành viên của mạng Internet dùng riêng.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không dừng cung cấp dịch vụ Internet cho thành viên của mạng Internet dùng riêng khi phát hiện thành viên đó vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet hoặc theo văn bản yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Thiết lập trạm trung chuyển Internet đối với mạng Internet dùng riêng không phải cấp phép.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Kết nối trực tiếp các mạng Internet dùng riêng;

b) Trạm trung chuyển Internet kết nối trực tiếp cho 2 mạng Internet dùng riêng.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 8. Vi phạm các quy định về cung cấp dịch vụ Internet

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Ngừng hoặc tạm ngừng cung cấp dịch vụ Internet mà không thông báo cho người sử dụng dịch vụ biết trước, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Từ chối cung cấp dịch vụ Internet khi không có lý do chính đáng;

c) Phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet khi cung cấp đường truyền dẫn viễn thông hoặc phân tách mạch vòng nội hạt.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Không cung cấp đường truyền dẫn viễn thông hoặc không phân tách mạch vòng nội hạt cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet khi được yêu cầu mà không có lý do chính đáng;
- b) Không ban hành hợp đồng mẫu để thực hiện thống nhất trong toàn doanh nghiệp;
- c) Không chấm dứt cung cấp dịch vụ Internet khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- d) Không có Website sử dụng tên miền quốc gia “.vn” để giao dịch với khách hàng khi cung cấp dịch vụ điện thoại Internet.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Không thiết lập đường truyền dẫn kết nối đến trạm trung chuyển Internet quốc gia đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet đồng thời là doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng;
- b) Làm đại lý dịch vụ điện thoại Internet cho doanh nghiệp nước ngoài;
- c) Thông báo không đúng quy định thời điểm bắt đầu chính thức cung cấp dịch vụ và kế hoạch triển khai cung cấp dịch vụ cho Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Thiết lập hệ thống thiết bị để cung cấp các dịch vụ Internet cho công cộng không đúng theo quy định của giấy phép;
- b) Thực hiện trung chuyển lưu lượng Internet quốc tế khi chưa được phép của Bộ Thông tin và Truyền thông;
- c) Ngăn chặn các thông tin trong nước đi vào, ra mạng của mình qua Trạm trung chuyển Internet quốc gia (VNIX) trừ các dịch vụ bị cấm theo quy định;
- d) Cung cấp các loại hình dịch vụ điện thoại Internet không đúng theo quy định;
- đ) Cung cấp dịch vụ điện thoại Internet mà không có hệ thống tính cước hoặc hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu khách hàng hoặc hệ thống quản lý dịch vụ đặt tại Việt Nam;
- e) Không thông báo thời điểm bắt đầu chính thức cung cấp dịch vụ và kế hoạch triển khai cung cấp dịch vụ cho Bộ Thông tin và Truyền thông.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 và điểm c khoản 4 Điều này.

Điều 9. Vi phạm các quy định về sử dụng dịch vụ Internet

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Sử dụng hoặc hướng dẫn người khác sử dụng các dịch vụ Internet bị cấm theo quy định của pháp luật;
- b) Người sử dụng dịch vụ kinh doanh lại các dịch vụ Internet.